

Số: 2605/QĐ-UBND

An Giang, ngày 19 tháng 9 năm 2016

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

VĂN BẢN ĐẾN

Số: 18331

Phê duyệt Quy định tiêu chuẩn và mức hỗ trợ thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang

Ngày: 26 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ngày: 26 tháng 9 năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Điều a Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc Quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 25/2015/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt đơn giá hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 134/TTr-SNN&PTNT ngày 01/9/2016 về việc phê duyệt quy định tiêu chuẩn và mức hỗ trợ thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tiêu chuẩn và mức hỗ trợ thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *JS*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo An Giang, Đài PTTH An Giang;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh
- P.KTN, P.KTTH, P.HCTC;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Quang Thi

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn và mức hỗ trợ thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi hộ giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2665./QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương 1 NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn và mức hỗ trợ hộ chăn nuôi về phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò, heo); con giống (trâu, bò, heo đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị); xử lý chất thải trong chăn nuôi; đào tạo và hỗ trợ dẫn tinh viên phối giống nhân tạo gia súc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi heo, trâu, bò, gia cầm, trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp (sau đây gọi là hộ chăn nuôi).
2. Hộ chăn nuôi các đối tượng heo, trâu, bò đực giống để phối giống dịch vụ hoặc nuôi gà, vịt giống gắn với ấp nở cung cấp con giống.
3. Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

Chương 2

HỖ TRỢ ĐỐI VỚI HỘ CHĂN NUÔI, NGƯỜI LÀM DỊCH VỤ PHỐI GIỐNG NHÂN TẠO GIA SÚC

Điều 3. Điều kiện được hưởng hỗ trợ.

1. Đối với việc hỗ trợ gieo tinh nhân tạo gia súc:

- Những hộ chăn nuôi dưới hoặc 10 con heo nái; dưới hoặc 10 con trâu, bò sinh sản, có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;
- Sử dụng tinh các giống heo, trâu, bò tại các cơ sở, hộ cung cấp tinh được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định.

2. Đối với việc hỗ trợ mua heo, trâu, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị.

- Hộ gia đình sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chăn nuôi heo, trâu, bò đực

giống để thực hiện phối giống dịch vụ, làm đơn đề nghị hỗ trợ giống được Ủy ban nhân dân xã xác nhận; đã mua heo, trâu, bò đực giống; có hóa đơn tài chính theo quy định, sẽ được xem xét, hỗ trợ theo đơn giá quy định tại Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh.

- Các hộ gia đình chăn nuôi gà, vịt giống gắn với ấp nở cung cấp con giống; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và cam kết thực hiện nghiêm yêu cầu kỹ thuật chăn nuôi an toàn theo hướng dẫn của Cục Chăn nuôi tại Quyết định số 713/QĐ-CN-GSN ngày 16/10/2015 về việc hướng dẫn thực hiện biện pháp an toàn sinh học tối thiểu cho cơ sở chăn nuôi gia cầm sinh sản và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; đã mua gà, vịt giống bố mẹ hậu bị trên 8 tuần tuổi (hoặc gà, vịt giống bố mẹ 01 ngày tuổi và thức ăn hỗn hợp cho gà vịt giống đến 08 tuần tuổi); có hóa đơn tài chính theo quy định, sẽ được xem xét, hỗ trợ theo đơn giá quy định tại Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh.

3. Đối với việc hỗ trợ xử lý chất thải trong chăn nuôi:

- Chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn: 05 con heo nái hoặc 10 con heo thịt hoặc 03 con trâu, bò hoặc 200 con gia cầm sinh sản và tương đương; có nhu cầu xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Xây dựng công trình khí sinh học (biogas) xử lý chất thải chăn nuôi theo các mẫu công trình khí sinh học KT1, KT2, composit; Sử dụng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường chăn nuôi thuộc Danh mục mẫu công trình khí sinh học và Danh mục chế phẩm sinh học được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận tiến bộ kỹ thuật và được phép lưu hành tại Việt Nam.

- Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc xây mới công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học thuộc Danh mục mẫu công trình khí sinh học và Danh mục chế phẩm sinh học được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận tiến bộ kỹ thuật và được phép lưu hành tại Việt Nam.

4. Đối với việc hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn gieo tinh nhân tạo gia súc: Người tham gia các lớp đào tạo, tập huấn phải bảo đảm các điều kiện:

- Đã hoàn thành chương trình Trung học cơ sở đối với khu vực miền núi hoặc Trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng; dưới 40 tuổi.

- Có nhu cầu, làm đơn và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Đăng ký học và tự đóng chi phí cho các cơ sở đào tạo; sau khi hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn, có chứng chỉ đào tạo, tập huấn, hoàn tất đầy đủ các chứng từ tập huấn theo yêu cầu (gồm giấy chứng nhận hoặc bằng tốt nghiệp đã hoàn thành chương trình Trung học cơ sở đối với khu vực miền núi hoặc Trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng; bản sao giấy Chứng minh nhân dân, đơn xin hỗ trợ đào tạo tập huấn gieo tinh nhân tạo gia súc có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật gieo tinh nhân tạo cho gia súc, chương trình đào tạo).

5. Đối với hồ trợ mua bình chứa nitơ lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh phối giống nhân tạo gia súc:

- Đã qua đào tạo, tập huấn có chứng chỉ; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận.

- Mua loại bình phù hợp quy định của địa phương và có cam kết bảo quản, sử dụng bình trong thời gian tối thiểu 5 năm trở lên.

- Có hóa đơn tài chính theo quy định.

Điều 4. Nguyên tắc hồ trợ:

Các hộ chăn nuôi và người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc đáp ứng điều kiện hồ trợ như Điều 3 tại Quy định này, được hồ trợ như sau:

1. Hồ trợ về kinh phí liệu tinh heo và kinh phí liệu tinh trâu bò và vật tư phối giống nhân tạo trâu, bò cho các hộ chăn nuôi thông qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi theo quy định hiện hành, được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định (trên cơ sở thực hiện kiểm tra và đánh giá chất lượng tinh gia súc định kỳ đạt tiêu chuẩn) và được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao kế hoạch hồ trợ theo từng năm (về số lượng, loại tinh hồ trợ). Kinh phí hồ trợ cho các cơ sở được căn cứ đơn giá liệu tinh, vật tư theo định mức của địa phương nhân với số thực tế cung cấp cho các hộ chăn nuôi trong kế hoạch số lượng được giao hằng năm.

2. Hồ trợ trực tiếp và hồ trợ 01 lần cho hộ chăn nuôi sau khi các hộ đã mua heo, trâu, bò đực giống, gà, vịt giống bố mẹ hậu bị trên 08 tuần tuổi hoặc gà, vịt giống 01 ngày tuổi và thức ăn hỗn hợp đến 08 tuần tuổi; có hóa đơn tài chính theo quy định.

3. Hồ trợ trực tiếp và hồ trợ 01 lần cho hộ chăn nuôi sau khi các hộ đã xây công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.

4. Hồ trợ trực tiếp và hồ trợ 01 lần cho người đi đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc sau khi hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn; có chứng chỉ của cơ sở đào tạo, tập huấn.

5. Hồ trợ trực tiếp và hồ trợ 01 lần cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc sau khi mua bình chứa nitơ lỏng; có hóa đơn tài chính theo quy định.

6. Trường hợp hộ chăn nuôi đáp ứng đủ các tiêu chí được hồ trợ về gieo tinh nhân tạo gia súc, hồ trợ về mua con giống (một trong các loại con giống heo, trâu, bò đực giống hoặc gà vịt giống bố mẹ hậu bị), hồ trợ xử lý chất thải chăn nuôi, hồ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật gieo tinh nhân tạo gia súc, hồ trợ mua bình chứa nitơ lỏng phục vụ gieo tinh nhân tạo trâu, bò, nếu có nhu cầu sẽ được hồ trợ tất cả các hạng mục trên theo quy định.

7. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hồ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách hồ trợ có lợi nhất.

Điều 5. Nội dung hỗ trợ:

I. Hỗ trợ phối giống nhân tạo hàng năm đối với heo, trâu, bò:

1. Gieo tinh nhân tạo cho heo: Hỗ trợ 100% kinh phí về liệu tinh nhưng không quá 80.000 đồng/liều cho các hộ chăn nuôi heo để thực hiện phối giống cho heo nái.

a) Loại tinh được hỗ trợ: Sử dụng tinh của một trong các giống heo: Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain hoặc tổ hợp lai giữa các giống heo này.

b) Tiêu chuẩn chất lượng liệu tinh:

- Thể tích một liệu tinh: Không nhỏ hơn 30 ml để phối cho nái nội; không nhỏ hơn 50 ml để phối cho nái lai và không nhỏ hơn 80 ml để phối cho nái ngoại.

- Số lượng tinh trùng trong một liệu tinh: Phối cho nái nội không dưới 1,0 tỷ tinh trùng/liều tinh; phối cho nái lai không dưới 1,5 tỷ tinh trùng/liều tinh và phối cho nái ngoại không dưới 2,0 tỷ tinh trùng/liều tinh.

- Hoạt lực tinh trùng: Không nhỏ hơn 70%.

- Có đầy đủ thông tin về giống heo, số hiệu heo đực, ngày sản xuất, hạn sử dụng, tên đơn vị sản xuất; thể tích liệu tinh; số lượng tinh trùng và hoạt lực tinh trùng của liệu tinh.

c) Mức hỗ trợ: Không quá 02 liệu tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liệu tinh cho một heo nái/năm; hỗ trợ tối đa không quá 50 liệu tinh/10 nái sinh sản/hộ/năm.

2. Gieo tinh nhân tạo cho trâu, bò: Hỗ trợ 100% kinh phí vật tư phối giống nhân tạo (tinh đông lạnh và nitơ lỏng, găng tay, dẫn tinh quản) cho các hộ chăn nuôi để phối giống cho trâu, bò cái sinh sản, nhưng không vượt quá đơn giá hỗ trợ đã được phê duyệt tại Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Loại tinh được hỗ trợ: Sử dụng tinh các giống bò thuộc danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam quy định tại Thông tư số 25/2015/TT-BNNPTNT, bao gồm:

- Nhóm bò Zêbu gồm các giống như: Sind, Brahman, Sahiwal...

- Nhóm bò thịt chất lượng cao gồm các giống như: Red Angus, Charolais, Hereford, Droughtmaster, Lymousine, BBB...

- Nhóm bò sữa gồm các giống như: Holstein Friesian (HF).

- Đối với tinh trâu: Sử dụng tinh của một trong các giống trâu sau: trâu Murrah, trâu nội.

b) Tiêu chuẩn chất lượng liệu tinh:

- Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tinh đông lạnh theo Tiêu chuẩn Quốc gia: Tinh bò sữa, bò thịt - Đánh giá chất lượng TCVN 8925:2012.

- Trường hợp sử dụng tinh phân ly giới tính, các chỉ tiêu kỹ thuật phải đảm bảo theo công bố của nhà sản xuất.

c) Định mức hỗ trợ:

- Không quá 02 liều tinh/bò cái (hướng thịt)/năm; hỗ trợ tối đa không quá 20 liều tinh/10 bò cái hướng thịt/hộ chăn nuôi/năm.

- Không quá 04 liều tinh/bò cái (hướng sữa) hoặc trâu cái/năm; hỗ trợ tối đa không quá 40 liều tinh/10 bò cái hướng sữa, trâu cái/hộ chăn nuôi/năm.

- Ni tơ lỏng dùng để bảo quản tinh trâu, bò ở các điểm trung chuyển, định mức 0,5 lít/02 liều tinh.

- Ni tơ lỏng dùng để vận chuyển tinh đi phối giống mức tối đa đến 2,0 lít/01 con bò cái hướng sữa có chữa; đến 1,5 lít/01 bò cái hướng thịt có chữa và đến 3,0 lít/01 trâu cái có chữa.

- Các vật tư khác (găng tay, dẫn tinh quản (ống dẫn tinh)): Không quá 02 bộ/bò cái có chữa (hướng thịt), 04 bộ/bò cái hướng sữa hoặc trâu cái có chữa; súng bắn tinh định mức tối đa 03 cây/huyện, thị xã, thành phố/năm (chỉ phân bổ trong trường hợp súng đã cấp bị hỏng không còn sử dụng được nữa).

II. Hỗ trợ mua heo, trâu, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị.

Mỗi hộ chăn nuôi chỉ được hỗ trợ mua một trong các đối tượng sau: hoặc heo đực giống, hoặc trâu đực giống, hoặc bò đực giống, hoặc gà giống bố mẹ hậu bị, hoặc vịt giống bố mẹ hậu bị. Cụ thể:

1. Loại giống hỗ trợ:

a) Mua loại giống phù hợp yêu cầu; có nguồn gốc từ các cơ sở sản xuất giống vật nuôi, có lý lịch rõ ràng đối với heo, trâu và bò hoặc phẩm cấp giống phù hợp đối với gà, vịt; có tiêu chuẩn chất lượng phù hợp theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 67/2002/QĐ-BNN, ngày 16 tháng 7 năm 2002 về việc ban hành Quy định tạm thời các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật đối với giống vật nuôi; được mua về từ các địa phương khác trong tỉnh hoặc ngoài tỉnh; thuộc danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam theo quy định hiện hành.

b) Các loại giống gia súc được hỗ trợ:

- Giống bò:

+ Nhóm bò Zêbu gồm các giống như: Sind, Brahman, Sahiwal...

+ Nhóm bò thịt chất lượng cao gồm các giống như: Red Angus, Charolais, Hereford, Droughtmaster, Lymousine, BBB...

+ Nhóm bò sữa gồm các giống như: Holstein Friesian (HF).

- Giống trâu: Trâu Murrah, trâu nội.

- Giống heo: Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain hoặc tổ hợp lai giữa các giống heo này.

2. Tiêu chuẩn chất lượng con giống:

a) Heo đực giống:

- Được sản xuất từ cơ sở giống heo đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh Giống vật nuôi; chất lượng đạt Tiêu chuẩn cơ sở công bố theo quy định hiện hành;

- Có đầy đủ thông tin về tên giống, ngày tháng năm sinh và số hiệu cá thể; tên giống và số hiệu bố, mẹ; tên giống và số hiệu ông, bà.

b) Trâu, bò đực giống:

- Được sản xuất từ cơ sở giống trâu, bò đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh Giống vật nuôi; chất lượng đạt Tiêu chuẩn cơ sở công bố theo quy định hiện hành. Trường hợp tuyển chọn trong sản xuất phải được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp huyện đánh giá chất lượng và tuyển chọn đảm bảo yêu cầu của địa phương (theo kết quả thẩm định của tổ giám định, bình tuyển heo, bò đực giống của huyện).

- Có đầy đủ thông tin về tên giống, ngày tháng năm sinh và số hiệu cá thể; tên giống và số hiệu bố, mẹ; tên giống và số hiệu ông, bà. Trường hợp tuyển chọn trong sản xuất phải có đầy đủ thông tin về tên giống, tháng tuổi và số hiệu cá thể (sau khi tuyển chọn).

c) Gà, vịt giống bố mẹ hậu bị (trên 8 tuần tuổi) hoặc gà, vịt giống 01 ngày tuổi:

- Được sản xuất từ cơ sở giống gia cầm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh Giống vật nuôi; chất lượng đạt Tiêu chuẩn cơ sở công bố theo quy định hiện hành;

- Có đầy đủ thông tin về tên dòng, giống ông bà tạo ra đàn bố mẹ này.

3. Định mức hỗ trợ:

a) Đối với heo đực giống: Hỗ trợ 50% giá trị con giống nhưng không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 con đối với heo đực giống từ 06 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 03 con heo đực giống (hỗ trợ tối đa không quá 15.000.000 đồng/hộ);

b) Đối với trâu, bò đực giống: Hỗ trợ 50% giá trị con giống nhưng không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/1 con đối với bò đực giống từ 12 tháng tuổi trở lên **hoặc không quá** 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng)/1 con đối với trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ chỉ được hỗ trợ mua một con trâu hoặc một con bò đực giống (hỗ trợ tối đa không quá 20.000.000 đồng/hộ mua bò đực giống và tối đa không quá 25.000.000 đồng/hộ mua trâu đực giống).

c) Đối với gà, vịt giống: Hỗ trợ 50% giá trị gà, vịt giống hậu bị nhưng không quá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng)/ con; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá

200 con gà hoặc 200 con vịt giống bố mẹ hậu bị (hỗ trợ tối đa không quá 10.000.000 đồng/hộ chăn nuôi gà vịt giống).

III. Hỗ trợ về xử lý chất thải chăn nuôi.

- Hỗ trợ 50% giá trị xây dựng công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi nhưng không quá 5.000.000 đồng/hộ với quy mô được quy định tại Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh .

- Hỗ trợ 50% giá trị làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi nhưng không quá 5.000.000 đồng/hộ với quy mô được quy định tại Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh .

Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ kinh phí để xây dựng công trình khí sinh học hoặc hỗ trợ kinh phí để làm đệm lót sinh học.

Trường hợp những hộ đã thực hiện xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học được hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác trong cùng thời điểm sẽ không được hưởng hỗ trợ theo quy định này.

IV. Hỗ trợ khuyến khích phát triển phối giống nhân tạo gia súc.

1. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc.

a) Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc nhưng tối đa không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/người (bao gồm các chi phí: chi hỗ trợ trực tiếp cho người học; chi in ấn tài liệu, văn phòng phẩm, hội trường, trang thiết bị giảng dạy, vật tư thực hành (nếu có); chi bồi dưỡng giáo viên, hướng dẫn viên, thực hành thao tác kỹ thuật).

b) Số lượng người được hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc tại địa phương đến năm 2020: Không quá 03 người/xã, phường, thị trấn (trong đó có 01 người đào tạo về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo trâu, bò; 02 người đào tạo về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo heo).

2. Hỗ trợ mua bình chứa nitơ lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh phối giống nhân tạo gia súc:

Hỗ trợ một lần đến 100% giá trị bình chứa nitơ lỏng từ 1,0 đến 3,7 lít nhưng không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/01 bình/01 người cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

Chương 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Ban hành văn bản hướng dẫn hộ chăn nuôi, người được tập huấn đào tạo, chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi thực hiện các thủ tục, quy trình để được hỗ trợ theo quy định.

b) Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn chất lượng liệu tinh, con giống (heo, trâu, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị) và định mức vật tư phối giống nhân tạo trâu, bò; hướng dẫn quy trình, kỹ thuật chăn nuôi an toàn và xử lý môi trường phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Xây dựng, ban hành các biểu mẫu phục vụ công tác quản lý;

c) Kiểm tra tình hình thực hiện Quyết định này tại các huyện, thị xã, thành phố, đối với các nông hộ được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định đảm bảo minh bạch, kịp thời và hiệu quả.

d) Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện và kết quả triển khai Quy định này, kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ những khó khăn, bất cập để Chính sách được triển khai có hiệu quả.

đ) Xây dựng kế hoạch triển khai việc hỗ trợ theo từng giai đoạn, đến năm 2020 và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các kế hoạch này. Rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định về số lượng, đối tượng được hỗ trợ đào tạo, tập huấn cụ thể theo từng kế hoạch.

e) Chỉ định và công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi cung cấp tinh heo, trâu, bò, con giống và vật tư đảm bảo chất lượng để hỗ trợ gieo tinh nhân tạo theo số lượng hỗ trợ của kế hoạch, để người có nhu cầu tại các địa phương chủ động lựa chọn.

g) Phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đơn giá khi có sự thay đổi.

h) Tổng hợp nhu cầu về số lượng, kinh phí cần hỗ trợ cho các địa phương theo kế hoạch do các huyện, thị xã, thành phố lập; phối hợp với Sở Tài chính xem xét thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt *trước tháng 10 hàng năm* để triển khai thực hiện vào năm sau.

i) Hàng năm, tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện việc hỗ trợ trên địa bàn toàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đơn giá khi có sự thay đổi.

b) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và nguồn Trung ương bố trí và các nguồn tài chính hợp pháp khác (nếu có), phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh phí để thực hiện chính sách có hiệu quả.

c) Hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính.

d) Hàng năm, tổng hợp kinh phí thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

e) Căn cứ kế hoạch hỗ trợ hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất nguồn kinh phí hỗ trợ cho phù hợp, tham mưu Ủy ban nhân tỉnh đề xuất kinh phí hỗ trợ từ Trung ương để thực hiện hỗ trợ theo quy định.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Thẩm định, xác nhận danh sách hộ chăn nuôi được hỗ trợ làm cơ sở cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chọn lọc danh sách hỗ trợ cho phù hợp.

b) Xây dựng kế hoạch hỗ trợ tại địa phương **vào tháng 8 hàng năm**, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

c) Tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch hỗ trợ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg tại địa phương.

4. Phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế:

a) Tổng hợp danh sách đề nghị được hỗ trợ báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố. Chủ trì việc cung ứng trâu, bò đực giống, tinh heo, tinh bò, ni tơ lỏng và vật tư phối giống, từ đó cung cấp cho Trạm Chăn nuôi và Thú y thực hiện gieo tinh nhân tạo gia súc cho hộ dân có nhu cầu.

Quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ; nghiệm thu, thanh lý các hạng mục hỗ trợ trên địa bàn theo qui định

b) Lập kế hoạch xác định nhu cầu về số lượng và kinh phí cần hỗ trợ: các loại tinh heo, trâu, bò; các loại giống vật nuôi; nhu cầu đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc; công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi; nhu cầu làm đệm lót sinh học tại các xã, phường, thị trấn; tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố gửi Sở Nông nghiệp và PTNT **trước tháng 8 hàng năm**.

c) Tổ chức thực hiện hỗ trợ đúng đối tượng, công khai danh sách các đối tượng được hưởng hỗ trợ/chính sách này đến từng ấp, xã, xóm, phường, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chính sách tại địa phương. Tuyên truyền phổ biến rộng rãi các quy định để các đối tượng hưởng chính sách biết và thực hiện;

d) Hàng năm, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện và tổ chức họp sơ kết để đánh giá kết quả triển khai chính sách hỗ trợ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố; đề xuất kiến nghị với các sở, ngành liên quan giải pháp tháo gỡ những bất cập trong triển khai chính sách.

đ) Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện:

- Báo cáo tổng kết năm gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 10 tháng 12 hàng năm**.

- Báo cáo định kỳ gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Chăn nuôi và Thú y) tiến độ thực hiện hỗ trợ định kỳ **vào ngày 15 hàng tháng**.

5. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Thông báo, niêm yết công khai chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ, giai đoạn 2015-2020 tại Ban Tự quản khóm, ấp và trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

b) Tiếp nhận, xác nhận đơn đề nghị hỗ trợ của các hộ chăn nuôi theo đúng các quy định.

c) Xem xét, lựa chọn đối tượng được hỗ trợ đảm bảo công khai, đúng theo quy định và tổng hợp kế hoạch, danh sách hộ gửi về phòng Kinh tế, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thị xã, thành phố để báo cáo về Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố **trong tháng 7 hàng năm**.

6. Trách nhiệm của hộ chăn nuôi

a) Chăn nuôi bảo đảm vệ sinh phòng dịch, bảo vệ môi trường gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

b) Cam kết chăm sóc nuôi dưỡng và khai thác con đực giống ít nhất 24 tháng đối với heo và 48 tháng đối với trâu, bò; trừ trường hợp chết, loại thải hoặc thiên tai, dịch bệnh phải có báo cáo với Ủy ban nhân dân xã và được Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

c) Không sử dụng con đực heo, trâu, bò không đạt tiêu chuẩn để phối giống dịch vụ.

d) Thực hiện đúng các quy định và hướng dẫn của địa phương để được hưởng chính sách hỗ trợ.

đ) Thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng trâu, bò, heo cái sinh sản sau khi phối giống, chăm sóc con lai, chi trả tiền công gieo tinh nhân tạo cho trâu, bò, heo sinh sản.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2020.

2. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, các địa phương báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Quang Thi